PHẠM VĂN TUYẾN (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGÔ THỊ HƯỜNG – NGUYỄN DUY KHUÊ – NGUYỄN THỊ HỒNG THẮM

Mĩ thuật

6

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHẠM VĂN TUYẾN (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGÔ THỊ HƯỜNG – NGUYỄN DUY KHUÊ – NGUYỄN THỊ HỒNG THẮM

Mĩ thuật

6

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Cánh Diều

LỜI NÓI ĐẦU

Mĩ thuật 6 – Sách giáo viên thuộc bộ sách Cánh Diều là tài liệu dùng cho giáo viên và các nhà quản lí trong việc thực hiện dạy học môn Mĩ thuật theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Cuốn sách bao gồm ba phần:

Phần 1: Nội dung cơ bản trong Chương trình môn Mĩ thuật lớp 6

Giáo viên có thể nắm bắt và phân tích những đóng góp của môn Mĩ thuật với việc hình thành phẩm chất, năng lực cho học sinh dựa trên ma trận mạch nội dung của sách giáo khoa Mĩ thuật 6 thuộc bộ sách Cánh Diều.

Phần 2: Gợi ý phương pháp, kĩ thuật dạy học và kiểm tra, đánh giá

Cung cấp cho các thầy giáo, cô giáo cách tiếp cận việc kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Phần 3: Hướng dẫn tổ chức dạy học theo sách giáo khoa môn Mĩ thuật lớp 6

Đây là nội dung có ý nghĩa thực tế nhất đối với giáo viên, được biên soạn theo hướng cụ thể hoá các bài dạy trong sách giáo khoa Mĩ thuật 6, cung cấp câu trả lời cho những câu hỏi có trong sách giáo khoa và hướng dẫn thêm quy trình thực hành để giáo viên lựa chọn cho bài dạy phong phú hơn. Bố cục các bài thiết kế tương tự mẫu giáo án dành cho giáo viên thông qua các hoạt động dạy – học và một số giáo án minh hoạ theo quy định hiện hành.

Trong quá trình biên soạn, khó tránh khỏi nhiều thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được những góp ý quý báu từ các chuyên gia, quý thầy giáo, cô giáo... để nội dung cuốn sách hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

Các tác giả

PHẦN 1

NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CHƯƠNG TRÌNH MÔN MĨ THUẬT LỚP 6

I. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Mục tiêu chương trình môn Mĩ thuật[1]

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Mĩ thuật giúp học sinh (HS) hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật dựa trên kiến thức và kĩ năng mĩ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mĩ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; có ý thức trân trọng di sản văn hoá, nghệ thuật và khả năng ứng dụng kiến thức, kĩ năng mĩ thuật vào đời sống; có hiểu biết tổng quát về ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và khả năng định hướng được nghề nghiệp cho bản thân; trải nghiệm và khám phá mĩ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2. Mục tiêu cấp trung học cơ sở

Môn Mĩ thuật giúp HS tiếp tục hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật dựa trên nền tảng kiến thức, kĩ năng mĩ thuật ở cấp tiểu học, thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm; phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; có ý thức kế thừa, phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mĩ của thời đại, làm nền tảng cho việc phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; có hiểu biết về mối quan hệ giữa mĩ thuật với đời sống, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ và tình yêu nghệ thuật, phát triển năng lực tự chủ và tự học, có ý thức định hướng nghề nghiệp sau khi kết thúc cấp học.

Với cấp học này, nhìn chung, các môn học bắt đầu trở về hình dạng cơ bản của lĩnh vực ngành nghề và phân tách ra thành các mảng kiến thức riêng biệt. Sự hỗ trợ qua lại giữa mĩ thuật với các môn học khác là rất rõ ràng. Ví dụ, hình ảnh trực quan và phân tích màu sắc tạo cơ hội cho HS liên tưởng đến ngôn ngữ hay hình 3D giúp việc học hình học trong toán hoặc công nghệ với quy trình thực hiện hình vẽ,...

[1] Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất cấp trung học sơ sở

2.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất cấp trung học cơ sở trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018

Trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018, phần mục tiêu chung đã ghi: "Chương trình môn Mĩ thuật giúp HS hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật dựa trên kiến thức và kĩ năng mĩ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mĩ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; có ý thức trân trọng di sản văn hoá, nghệ thuật và khả năng ứng dụng kiến thức, kĩ năng mĩ thuật vào đời sống; có hiểu biết tổng quát về ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và khả năng định hướng được nghề nghiệp cho bản thân; trải nghiệm và khám phá mĩ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo". Đồng thời tại mục (IV; 1) viết: "Chương trình môn Mĩ thuật góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung với các mức độ cụ thể được quy định cho từng cấp học trong Chương trình tổng thể."

2.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và đóng góp của môn Mĩ thuật trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh

Chương trình môn Mĩ thuật được thực hiện thông qua hoạt động thực hành, trải nghiệm, sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. Đồng thời quá trình dạy – học kết hợp giữa các hoạt động thảo luận, tìm hiểu, khám phá giá trị thẩm mĩ ở các sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật trong mối liên quan giữa các chủ đề, sự tương tác giữa nghệ thuật với văn hoá xã hội, qua đó góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Cụ thể hoá Chương trình tổng thể 2018 nên Chương trình môn Mĩ thuật cũng phải đảm bảo đóng góp vào việc hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Các phẩm chất này được hình thành nhờ vào các mục tiêu cụ thể của bài học, đặc biệt là các thông điệp từ chủ đề dạy học (DH) và quá trình nhận thức đánh giá của HS thông qua các chủ đề. Trên thực tế, nhờ vào khả năng truyền tải thông điệp hình ảnh có tốc độ nhanh và dễ nhớ nên sự đóng góp về nhận thức cho HS cũng dễ hình thành hơn không chỉ ở cấp tiểu học mà ở mọi cấp học, nhất là hình thành các năng lực nhận thức và thực hành. Dường như các yêu cầu cần đạt cho mục đích bồi dưỡng phẩm chất cho HS của môn Mĩ thuật rất rõ ràng nhưng rất dễ bị mờ nhạt nếu thực hiện không tốt

Cánh Diều

các chủ đề DH. Trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018, các thành phần năng lực và mạch nội dung DH được chi tiết hoá trong bảng về năng lực đặc thù đã chứa đựng nội hàm của các yêu cầu và không có mức độ cụ thể hoá riêng nội dung đang bàn ở đây. Nhưng có thể hiểu kết quả của quá trình DH mà chương trình chứa đựng là một sự tổng hợp các kinh nghiệm về giáo dục nghệ thuật của một số nước có yếu tố phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Như đã nói, phẩm chất của người Việt Nam vốn đã được xác định rõ ràng trước đây và hiện hữu ngay từ năm điều Bác Hồ dạy – được coi như tư tưởng giáo dục của đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, việc xác định mục tiêu phẩm chất trách nhiệm như đã nói, là một cách nhấn mạnh giá trị cá nhân đối với cộng đồng như chìa khoá của giá trị xã hội ngày nay.

3. Yêu cầu cần đạt về năng lực cấp trung học sơ sở

3.1. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn Mĩ thuật trong việc hình thành, phát triển năng lực cho học sinh

Trong Chương trình tổng thể năm 2018, các năng lực được chỉ ra cụ thể như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Môn Mĩ thuật có những ưu thế nhất định trong việc góp phần hình thành, phát triển các năng lực chung. Những năng lực chung này không những được hình thành, phát triển thông qua nội dung giáo dục mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức DH với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong các hoạt động thực hành tạo sản phẩm mĩ thuật và thảo luận, tìm hiểu giá trị của các sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật, cũng như tiếp cận khám phá các yếu tố thẩm mĩ cơ bản trong đời sống. Từ các vấn đề nêu trên, có thể xác định cụ thể môn Mĩ thuật góp phần hình thành, phát triển các năng lực chung thông qua các biểu hiện chủ yếu sau đây:

3.1.1. Năng lực tự chủ và tự học

Trong học mĩ thuật, mức độ tự chủ luôn đậm nét trong mọi hoạt động học. HS hoàn thành sản phẩm của mình theo quy trình sáng tạo của cá nhân là chủ yếu. Mỗi sản phẩm/bài học đều bắt đầu từ ý tưởng riêng và cơ bản kết thúc theo mong muốn cá nhân. Hoạt động thực hành và thảo luận là hành trình HS được khám phá, thể hiện bản thân và phát triển nhận thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực học tập và trải nghiệm trạng thái cảm xúc tự thân qua thực tiễn. Quá trình tự học cũng là đặc trưng bắt buộc vì chính HS mới là người đưa ra quyết định giải thích thông điệp của sản phẩm trong trường hợp cần làm sáng tỏ nội dung.

3.1.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

DH Mĩ thuật có một đặc điểm quan trọng là quá trình tự học, tự nhận thức trong khi học cùng bạn. Cho dù các ý tưởng và hành động đều mang tính cá nhân, nếu HS học môn Mĩ thuật theo hướng cá nhân cũng sẽ không có kết quả cao. Khi có sự chia sẻ, nhận xét và thảo luận giữa tập thể, nhóm học tập, sẽ hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác. Trong Chương trình tổng thể năm 2018, hình thức DH được xác định là thông qua hoạt động DH kết hợp lồng ghép thực hành và thảo luận nghệ thuật, HS được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, nêu và phản hồi ý kiến, nhận xét về sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của cá nhân hay bạn và của các nghệ sĩ, hoạ sĩ nên có nhiều ưu thế hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.

3.1.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Bản chất của nghệ thuật nói chung, mĩ thuật nói riêng là sáng tạo. Bất cứ sự sao chép, lặp lại nào đều không được coi là tác phẩm nghệ thuật. Từ góc độ vật chất, sản phẩm/tác phẩm mĩ thuật là độc nhất. Riêng tranh khắc có nhiều bản nhưng từng bản là độc lập và được đánh số thứ tự. Từ góc độ tinh thần là tạo ra một giá trị tinh thần, những thông điệp cho người xem và người thưởng thức. Trong quá trình sáng tạo và thưởng thức cả người tạo ra và người hưởng thụ đều phải sáng tạo cho riêng mình nên nhiều khi một tác phẩm được giải nghĩa theo nhiều ý khác nhau.

Với môn Mĩ thuật, vấn đề sáng tạo là đặc trưng quan trọng nhất và là biểu hiện đáng lưu ý nhất khi đánh giá kết quả trong quá trình học. Quá trình tạo ra sản phẩm, thực hành bài tập chính là quá trình giải quyết, hình tượng hoá các ý tưởng trong đầu lên sản phẩm qua các ngôn ngữ tạo hình. Sự sáng tạo ở đây không chỉ là ý tưởng hay phát minh sáng kiến mà còn xuất hiện trong hầu hết các hoạt động. Ví dụ khi lựa chọn ngôn ngữ hình trong diễn tả, HS luôn trải nghiệm và đúc kết được sự xuất hiện của nó trên sản phẩm và quyết định sửa chữa, điều chỉnh nó theo hiểu biết của cá nhân. Thông điệp của hình trên bức tranh thường không phải là phiên bản duy nhất mà liên tục được sáng tạo thêm. Quá trình như vậy giúp HS luôn phải tư duy và lựa chọn phương cách thực hiện để hoạt động sáng tạo liên tục. Một hình ảnh được vẽ lên mặt giấy vốn đã là một sáng tạo hình ảnh không lặp lại.

3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật lớp 6

3.2.1. Quy định cho cấp trung học cơ sở trong Chương trình môn Mĩ thuật

Với ba nhóm năng lực được chỉ ra trong Chương trình môn Mĩ thuật, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo viên (GV) sẽ thấy có sáu năng lực tách biệt nhau được hệ thống lại qua bảng dưới đây:

QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC THẨM MĨ
Quan sát thẩm mĩ – Nhận biết được yếu tố thẩm mĩ trong đời sống. – Nhận biết được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ. – Nhận biết được giá trị thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật.
Nhận thức thẩm mĩ – Cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ. – Nhận biết được ý tưởng thẩm mĩ của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong đời sống. – Biết liên hệ giá trị thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành sáng tạo.
SÁNG TẠO VÀ ỨNG DỤNG THẨM MĨ
Sáng tạo thẩm mĩ – Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mĩ. – Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mĩ. – Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo. – Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo.
Ứng dụng thẩm mĩ – Thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo. – Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mĩ thuật của cá nhân và nhóm học tập. – Vận dụng được sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.
PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THẨM MĨ
Phân tích thẩm mĩ – Phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mĩ. – Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật. – Mô tả, phân tích được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.
Đánh giá thẩm mĩ – Đánh giá được đối tượng thẩm mĩ thông qua yếu tố và nguyên lí tạo hình. – Học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mĩ.

Cánh Diều

3.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật lớp 6

Với riêng lớp 6, Chương trình môn Mĩ thuật quy định cụ thể qua mạch Mĩ thuật tạo hình và Mĩ thuật ứng dụng gồm:

a. Phần Mĩ thuật tạo hình chiếm tỉ lệ 50 % số tiết trong 35 tiết

Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:

– Xác định được nội dung chủ đề.

– Nhận biết đặc điểm cơ bản của thể loại Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc.

– Nhận biết được nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản.

– Nêu được các bước thực hành, sáng tạo.

Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:

– Biết vận dụng giá trị thẩm mĩ của di sản văn hoá nghệ thuật vào thực hành sáng tạo.

– Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo.

– Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành, sáng tạo.

– Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống.

Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:

– Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm.

– Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về tác giả, tác phẩm.

– Phân tích được vẻ đẹp của tác phẩm mĩ thuật.

– Hiểu được mối liên hệ giữa Mĩ thuật với một số môn học, hoạt động giáo dục khác.

b. Phần Mĩ thuật ứng dụng chiếm khoảng 40 % của 35 tiết

Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:

– Xác định được mục đích sử dụng của sản phẩm.

– Phân biệt được giá trị thẩm mĩ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế.

– Chỉ ra được các bước cơ bản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.

– Xác định được các loại vật liệu phù hợp để tạo nên sản phẩm.

Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:

– Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của một số yếu tố tạo hình vào thiết kế sản phẩm.

– Sáng tạo từ những đồ vật, vật liệu sẵn có thành sản phẩm mới.

– Vận dụng được một số giá trị thẩm mĩ từ di sản văn hoá nghệ thuật vào thiết kế sản phẩm.

– Biết cách trưng bày sản phẩm cá nhân, nhóm.

Cánh Diều

Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:

– Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập.

– Biết đặt câu hỏi, trả lời, trao đổi về sản phẩm và học hỏi kinh nghiệm thực hành trong đánh giá.

– Phân tích được giá trị thẩm mĩ của sản phẩm thiết kế.

– Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế.

3.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật và việc hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật cho học sinh

Năng lực mĩ thuật (thẩm mĩ) được xác định từ các yêu cầu cần đạt rất cụ thể. Nội dung dưới đây được trích trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018, xác định các biểu hiện của năng lực mĩ thuật:

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	Nhận biết được (yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình, đặc điểm,...), đọc được tên (màu sắc, tác giả, sản phẩm, tác phẩm, trường phái,...), liệt kê được (đồ dùng, công cụ, vật liệu, ngành nghề,...), nêu được (yếu tố đặc trưng, ý tưởng, giải pháp,...), xác định được (chủ đề, mục đích, đối tượng,...),...
Hiểu	Trình bày được (cảm nhận, sự liên hệ, quan điểm,...), biểu đạt được (cảm xúc, ý tưởng, nội dung,...), giới thiệu được (tác giả, sản phẩm, tác phẩm,...), tóm tắt được (giá trị nghệ thuật, cuộc đời, sự nghiệp,...), giải thích được (sắp xếp bố cục, tính phổ biến, địa điểm,...), phân tích được (vẻ đẹp, mối quan hệ giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng, nhu cầu xã hội,...), phân loại được (thể loại, hình thức), phân biệt được (tranh vẽ, tranh in, một số chất liệu,...), đánh giá được (sản phẩm, hoạt động thực hành, thảo luận, mối quan hệ giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng,...), nhận định được (giá trị thẩm mĩ, tiến trình phát triển, sự tác động của internet),...
Vận dụng	Mô phỏng được (đối tượng thẩm mĩ), phác thảo được (ý tưởng), lựa chọn được (công cụ, vật liệu, chất liệu, hình thức thực hành, vị trí trưng bày,...), sử dụng được (vật liệu, công cụ, phương tiện,...), thực hiện được (thao tác, các bước thực hành, phác thảo,...), vận dụng được (yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình, yếu tố văn hoá nghệ thuật, nhịp điệu của hoa văn,...), phối hợp được (kĩ năng, vật liệu, công cụ, phương tiện,...), thể hiện được (ý tưởng, đặc trưng, cấu trúc, mục đích,...), tạo được (sản phẩm, sự hài hoà, hoà sắc,...).

Ba nhóm năng lực trong chương trình môn học là biểu hiện của các mức độ năng lực dựa theo thang năng lực của Bloom. Thực chất các năng lực này được chia nhỏ thành sáu năng lực thành phần ứng với thang đo năng lực nhận thức của người học với sáu cấp độ. Điều này giúp GV có thể đặt ra yêu cầu cần đạt ngay trong từng bài dạy, từng chủ đề dạy học. Mỗi kế hoạch DH/giáo án cụ thể của bài hay chủ đề dạy học đều dễ dàng bám theo khung năng lực thành phần mà chương trình đề ra. Từng bài dạy, tuỳ theo chủ đề sẽ được xây dựng theo khung của chương trình môn học để giải quyết yêu cầu mà SGK đưa ra. Các tác giả quan niệm, SGK là một gợi ý chứ không nên coi nó là pháp lệnh.

Dưới đây là các yêu cầu cần đạt của năng lực mĩ thuật trong chương trình:

3.3.1. Quan sát và nhận thức thẩm mĩ

Quan sát là cách để HS khám phá, tìm hiểu, thu nhận thông tin và gợi lên sự tò mò về những gì các em nhìn thấy/quan sát xung quanh. Quá trình quan sát đối tượng theo gợi ý và định hướng phương pháp sẽ phát triển nhận thức giác quan và cảm nhận thẩm mĩ, thúc đẩy HS phát hiện và hình thành ý tưởng ban đầu cho thực hành, sáng tạo. Quan sát giúp thị giác được phát triển và hình thành quy luật nhận thức cho con người. Trong quan sát và nhận thức thẩm mĩ, HS cần đạt được các yêu cầu chủ yếu sau:

– Nhận biết được vẻ đẹp của đối tượng quan sát cũng như trong đời sống, cảm nhận được vẻ đẹp tạo hình của đối tượng thẩm mĩ;

– Nhận biết được giá trị thẩm mĩ của đối tượng quan sát;

– Nhận biết được ý tưởng thẩm mĩ của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật;

– Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm trong đời sống;

– Biết liên hệ giá trị thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành, sáng tạo.

3.3.2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ

Quá trình sáng tạo là để tạo ra cái mới trên sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật hoặc tự mình phát hiện ra cái mới của đối tượng quan sát. Đây là một yêu cầu trọng yếu của hoạt động học và thực hành mĩ thuật. Ứng dụng là sử dụng cái mới đó trong đời sống thực tiễn, đây là một khả năng quan trọng hơn hay thực dụng hơn, cũng là quá trình tiêu thụ sản phẩm sáng tạo. Hai nội dung này được xếp một cặp như là một cách không đề cao quá về sáng tạo ra cái mới mà không biết hoặc không sử dụng được. Chỉ khi sản phẩm mang cái mới được ứng dụng vào cuộc sống thực tiễn thì mới đạt được năng lực theo nghĩa đen của từ này.

Hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ là cơ hội để HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ, tư duy tưởng tượng của bản thân thông qua thực hành tạo ra hình ảnh về đối tượng thẩm mĩ. Hay nói cách khác, hoạt động này là cách để các em thể hiện bản thân, giao tiếp với người khác, tiếp nhận sự biểu đạt của người khác; đồng thời, thể hiện nhận thức thẩm mĩ và thử nghiệm ý tưởng, đổi mới sáng tạo trong thực hành, sáng tạo. Theo đó, trong hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ, HS cần đạt được các yêu cầu chủ yếu sau:

– Có được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mĩ trong quá trình học tập;

– Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo để thể hiện ý tưởng đã có;

– Vận dụng được yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo;

– Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ, thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo;

– Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mĩ thuật của cá nhân và nhóm học tập;

– Sử dụng được sản phẩm sáng tạo của bản thân hoặc của người khác để phục vụ cho học tập và đời sống.

3.3.3. Phân tích và đánh giá thẩm mĩ

Hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mĩ thực chất là cách giúp HS bước đầu thực hành lí luận mĩ thuật ở mức độ đơn giản và tăng dần theo cấp lớp. Quá trình này giải thích cách ngôn ngữ mĩ thuật được dùng và hiệu quả nghệ thuật, hiệu quả thẩm mĩ mà nó mang lại. HS theo đó giới thiệu, thảo luận, chia sẻ cảm nhận, trình bày ý kiến, quan điểm về sản phẩm, tác phẩm và những gì nhìn thấy, cũng như kinh nghiệm thực hành. Kết quả của quá trình phân tích và đánh giá thẩm mĩ sẽ giúp các em đi từ hiểu biết đến tôn trọng và tự hào về sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật và biết tự đánh giá quá trình học tập.

Trong phân tích và đánh giá thẩm mĩ, HS cần phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mĩ, biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật; Quá trình phân tích phải mô tả, phân tích được các ngôn ngữ tạo hình đã được sử dụng, từng yếu tố, nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.

Trong tiến trình giáo dục, các thành phần năng lực trên luôn song hành cùng nhau và lồng vào nhau một cách biện chứng. Các năng lực được hình thành trong quá trình học tập nhằm vào hình thành, phát triển ở HS năng lực mĩ thuật. Tuy nhiên, tuỳ theo mục tiêu, nội dung và hoạt động DH cụ thể mà mỗi thành phần năng lực được hình thành và phát triển ở các mức độ khác nhau.

II. MẠCH NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 6, BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

HS lớp 6 vừa kết thúc cấp tiểu học với mạch nội dung DH hướng đến việc dựa trên các yếu tố và nguyên lí tạo hình để thiết kế hoạt động học. Dựa trên mạch nội dung DH được quy định trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018, nội dung dưới đây tổng hợp để giáo viên dễ dàng đối chiếu cả cấp học, đặc biệt là lớp 6.

1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình

Thành phần	Nội dung
Yếu tố	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.
Nguyên lí	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.
Hoạt động	– 2D, 3D, tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của HS.

2. Mạch nội dung/thể loại loại hình mĩ thuật

Mạch nội dung/ thể loại	Lớp 1 – 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Lí luận và lịch sử mĩ thuật	+	+	+	+	+
Hội hoạ	×	×	×	×	×
Đồ hoạ (tranh in)	×	×	×	×	×
Điêu khắc	×	×	×	×	×
Thủ công	×				
Thiết kế công nghiệp		×	×	×	×
Thiết kế đồ hoạ		×	×	×	×
Thiết kế thời trang		×	×	×	×
Hướng nghiệp				×	×

Mạch nội dung dạy học của bậc tiểu học và bậc trung học cơ sở có sự phân biệt rõ ràng. Tiểu học đã kết thúc thể loại thủ công, thay vào đó, ở trung học cơ sở xuất hiện ba thể loại mới và nội dung hướng nghiệp (giáo dục nghề nghiệp). Có thể cụ thể hoá mạch nội dung như sau:

Mạch nội dung/thể loại	Định hướng nội dung dạy học/chủ đề
Lí luận và lịch sử mĩ thuật	Các thành tựu, di sản mĩ thuật của nhân loại từ thời kì tiền sử cho đến hết thời kì cổ đại; niên đại từ nguyên thuỷ cho đến khoảng thế kỉ III TCN.
Hội hoạ	Vẽ cơ bản, vẽ tĩnh vật, vẽ tranh đề tài, vẽ phong cảnh, vẽ chân dung,...
Đồ hoạ (tranh in)	In lá cây, in bằng bản khắc (in nổi, in lõm), in ghép khuôn, in độc bản,...
Điêu khắc	Nặn, khắc, đục hình từ khối cơ bản, uốn dây, tạo hình 3D; tạo hình tái chế; khối gấp giấy; điêu khắc ngoài trời.
Thiết kế công nghiệp	Tạo hình, gấp hộp; ghép hình dạng lego; vẽ hình chiếu, đọc bản vẽ.
Thiết kế đồ hoạ	Sáng tạo hoạ tiết; trang trí cơ bản trên sản phẩm, trang trí đồ vật, chữ, tạo hình icon, logo; bố cục hình, chữ trên sản phẩm, thiết kế thiệp.
Thiết kế thời trang	Vẽ thiết kế trên giấy, phối màu (trên giấy và trên sản phẩm); thời trang tái chế; thời trang cho con vật; sáng tạo phụ kiện thời trang.

3. Bảng tỉ lệ phân phối mạch nội dung dạy học

Thể loại	Nội dung	Phân phối theo các khối lớp			
		6	7	8	9
Mĩ thuật tạo hình	– Lí luận và lịch sử mĩ thuật. – Hội hoạ. – Đồ hoạ (tranh in). – Điêu khắc.	50 % = 17,5 tiết	50 % = 17,5 tiết	40 % = 14 tiết	40 % = 14 tiết
Mĩ thuật ứng dụng	– Lí luận và lịch sử MT. – Thiết kế công nghiệp. – Thiết kế đồ hoạ. – Thiết kế thời trang.	40 % = 14 tiết	40 % = 14 tiết	40 % = 14 tiết	40 % = 14 tiết
Hướng nghiệp	– Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến MT ứng dụng. – Thực hành sáng tạo sản phẩm MT ứng dụng.			10 % = 3,5 tiết	10 % = 3,5 tiết

Cánh Diều

4. Phạm vi chủ đề

Quy định phạm vi chủ đề dạy học dành cho các khối lớp được quy định rõ ràng. Điểm đặc biệt là cách phân chia chủ đề mĩ thuật theo hướng phân kì lịch sử nghệ thuật. Việc này đảm bảo rằng các vấn đề lịch sử mĩ thuật được đưa vào nội dung giáo dục theo hướng tuyến tính. Với lớp 6, ngoài chủ đề văn hoá, xã hội, chủ đề mĩ thuật được quy định trong khoảng Nghệ thuật tiền sử và cổ đại Việt Nam, thế giới. Giai đoạn này tương đương từ thời kì nguyên thuỷ cho đến thời kì Cổ đại (khoảng thế kỉ III TCN).

Đối với sách Mĩ thuật 6, bộ sách Cánh Diều, chúng tôi đã tuân thủ quy định này để đảm bảo rằng các dữ liệu DH sẽ có tính liên thông cả cấp học. Như vậy, khi triển khai các bài dạy, GV cũng lưu ý khai thác nội dung sao cho đúng với tinh thần này.

Bảng phân phối phạm vi chủ đề theo các khối lớp			
6	**7**	**8**	**9**
– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật tiền sử và cổ đại Việt Nam, thế giới.	– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật trung đại Việt Nam và thế giới.	– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật hiện đại Việt Nam và thế giới.	– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật đương đại Việt Nam và thế giới.

III. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU DẠY HỌC

1. Thiết bị dạy học

Trong quy định, các thiết bị DH cơ bản dùng chung được trang bị từ Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các nhà trường, GV mĩ thuật cần lưu ý bảng danh mục thiết bị để chuẩn bị đầy đủ. Tuỳ vào điều kiện thực tế, GV có thể chuẩn bị thêm thiết bị như mẫu vẽ, giá vẽ tiêu chuẩn, bục mẫu vẽ, giá để hoạ phẩm, các loại tranh ảnh phiên bản tác phẩm theo phạm vi quy định cho lớp 6. Để tăng tính đa dạng, sách giáo viên sẽ được giới thiệu thêm một số hình ảnh cần cho bài học. Tranh ảnh chủ yếu là các công trình nghệ thuật tiêu biểu cho các thời kì lịch sử mĩ thuật.

Đối với các vật liệu dùng trong học tập của HS, sách chỉ định hướng các vật liệu đại diện, dễ tìm kiếm. Ví dụ có thể sử dụng giấy vụn thay cho đất nặn hoặc củ, quả mọi vùng miền sẵn có. GV có thể lựa chọn sử dụng linh hoạt theo thực tế địa phương. Phần Sáng tạo ở các bài học không yêu cầu bắt buộc. GV có thể hướng dẫn HS chọn vật liệu đa dạng ở địa phương để thực hành.

2. Các tài liệu, học liệu phục vụ dạy học

Bộ sách Mĩ thuật 6 Cánh Diều có đầy đủ các tài liệu và học liệu bao gồm:

– Sách giáo khoa Mĩ thuật 6: mỗi cuốn SGK đều có mã code để truy cập tài nguyên điện tử online. GV, HS, phụ huynh (PH) có thể theo mã này để sử dụng tài nguyên cấp miễn phí online.

– Sách giáo viên Mĩ thuật 6 là bản mà quý thầy, cô đang cầm trên tay với các nội dung thiết thực.

– Thực hành Mĩ thuật 6 dành cho HS với các nội dung hỗ trợ, mở rộng phần luyện tập trong SGK.

– Tài liệu bồi dưỡng GV để thực hiện hỗ trợ quý thầy, cô sử dụng SGK và cách triển khai dạy học.

– Các bài giảng mẫu, hướng dẫn thực hành mẫu và gợi ý giáo án theo quy chuẩn khoa học giáo dục và cụ thể hoá quy định hiện hành.

PHẦN 2

GỢI Ý PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC PHÙ HỢP

Đối với DH định hướng phát triển năng lực, việc áp dụng các phương pháp DH tích cực cũng như các kĩ thuật DH hiện đại được ưu tiên hơn so với các phương pháp, kĩ thuật DH truyền thống. Tuy nhiên quá trình áp dụng phương pháp và kĩ thuật DH mới quyết định đến chất lượng giờ dạy. GV có thể kết hợp các phương pháp và kĩ thuật DH sao cho phù hợp với thực tiễn giờ dạy, với mục tiêu đặt ra, với không gian học tập,...

Về cơ bản, SGK Mĩ thuật 6 được thiết kế lồng ghép, tích hợp các hoạt động giữa lí thuyết với thực hành, giữa kiến thức và kĩ năng mĩ thuật cũng như giữa các kiến thức tích hợp liên môn. Vì vậy, GV đã được gợi ý ngay trong cấu trúc của SGK. Trong quá trình triển khai tập huấn GV, các tác giả cũng cung cấp nhiều hướng lựa chọn phương pháp và kĩ thuật DH. Trong khuôn khổ lớp 6, các phương pháp mà chúng tôi đề xuất sử dụng ưu tiên hơn bao gồm:

1. Nhóm phương pháp dạy học

1.1. Dạy học trực quan

DH trực quan là cách thức GV sử dụng những phương tiện trực quan làm công cụ hỗ trợ HS hình thành năng lực và phẩm chất. Phương tiện trực quan là tất cả những phương tiện được sử dụng vào trong quá trình DH giúp chuyển biến nội dung hình thành mục tiêu DH.

1.2. Dạy học thực hành

DH thực hành là phương pháp DH dựa vào sự quan sát và thực nghiệm tự lực của HS dưới sự hướng dẫn của GV thể hiện bằng lời nói, câu hỏi, bài tập thực hành, thao tác nhằm giúp cho HS hiểu rõ và vận dụng kiến thức lí thuyết để hình thành và rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp.

1.3. Dạy học hợp tác

DH hợp tác là DH trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do GV đặt ra. Từ đó, giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học

tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn trong nhóm. DH hợp tác được sử dụng để hướng dẫn HS tìm hiểu một chủ đề, bài học mới, thực hành và luyện tập ở trong lớp, tổ chức những hoạt động học tập cần có sự tham gia đóng góp trí tuệ và công sức của nhiều HS. Từ đó, tạo ra được sản phẩm học tập chung của nhóm. Ở mức độ cao hơn, GV có thể đề ra những nhiệm vụ tìm hiểu chuyên sâu cho các nhóm HS hoàn toàn độc lập xử lí các lĩnh vực đề tài và trình bày kết quả làm việc.

1.4. Dạy học khám phá

DH khám phá là cách thức tổ chức DH. Trong đó, HS tự tìm tòi, khám phá, phát hiện ra tri thức mới trong chương trình môn học thông qua các hoạt động dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV.

Để áp dụng được phương pháp DH khám phá, HS phải có những kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ học tập mang tính khám phá. Do vậy, GV phải nắm bắt được khả năng của HS, biết lựa chọn những vấn đề phù hợp, vừa sức với trình độ HS. Khi thiết kế mỗi hoạt động, nhiệm vụ học tập cho HS ngoài các tư liệu hỗ trợ học tập, GV cần chuẩn bị các câu hỏi mang tính định hướng, gợi mở từng bước giúp HS tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động. Sự hướng dẫn của GV cho mỗi hoạt động phải ở mức cần thiết, vừa đủ, đảm bảo HS phải hiểu được chính xác các em phải làm gì trong mỗi hoạt động khám phá. Việc tổ chức quá trình khám phá kiến thức mới cho HS chiếm khá nhiều thời gian DH nên tuỳ thuộc vào mục tiêu, nội dung và thời lượng chủ đề DH mà GV và sự đáp ứng của phương pháp khám phá mà GV áp dụng cho phù hợp.

2. Nhóm kĩ thuật dạy học phù hợp với môn Mĩ thuật

Có nhiều kĩ thuật dạy học khác nhau và mức độ áp dụng cho các phương pháp DH cũng khác nhau. Dưới đây là một số kĩ thuật dạy học các tác giả đề xuất GV sử dụng cho môn Mĩ thuật.

2.1. Kĩ thuật phòng tranh

Đây là cách thức tổ chức hoạt động học tập trong đó các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS được trưng bày như một phòng triển lãm tranh. Khái niệm "tranh" ở đây có thể được hiểu là sản phẩm học tập trực quan của HS. Các em di chuyển, quan sát các sản phẩm của HS khác, đặt câu hỏi và nêu ra nhận xét hoặc ý kiến góp ý. Sau đó, GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm.

Cách tiến hành:

− GV giao nhiệm vụ học tập cho cá nhân hoặc nhóm. Có thể thiết kế nhiều nhiệm vụ khác nhau đủ cho các nhóm hoặc có thể lặp lại các nhiệm vụ ở các nhóm khác nhau;

− HS thực hiện nhiệm vụ và trưng bày các sản phẩm học tập như một phòng triển lãm tranh;

− HS di chuyển xung quanh lớp học tham quan phòng tranh. Trong quá trình "xem triển lãm", HS đưa ra các ý kiến phản hồi hoặc bổ sung cho các sản phẩm;

− HS quay trở lại vị trí ban đầu, tổng hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm;

− GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân hoặc nhóm.

2.2. Kĩ thuật động não (công não)

Kĩ thuật động não là kĩ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề mà các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra "cơn lốc" các ý tưởng).

Quy tắc của động não: không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên; liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày; khuyến khích số lượng các ý tưởng; cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.

Cách tiến hành:

– Người điều phối dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề;

– Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét ý kiến. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau;

– Kết thúc việc đưa ra ý kiến;

– Đánh giá:

+ Lựa chọn sơ bộ các suy nghĩ, chẳng hạn theo khả năng ứng dụng: Có thể ứng dụng trực tiếp/Có thể ứng dụng nhưng cần nghiên cứu thêm/Không có khả năng ứng dụng;

+ Đánh giá những ý kiến được lựa chọn;

+ Rút ra kết luận hành động.

2.3. Kĩ thuật "Sơ đồ tư duy"

Sơ đồ tư duy là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng

mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề. Sơ đồ tư duy có thể được viết trên giấy, trên bảng hay thực hiện trên máy tính.

Cách tiến hành:

– Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề;

– Từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề, viết bằng CHỮ IN HOA. Nhánh và chữ viết trên đó được vẽ và viết cùng một màu. Nhánh chính đó được nối với chủ đề trung tâm. Chỉ sử dụng các thuật ngữ quan trọng để viết trên các nhánh;

– Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường;

– Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

2.4. Kĩ thuật "Các mảnh ghép"

"Các mảng ghép" là hình thức học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm:

– Giải quyết một nhiệm vụ phức hợp (có nhiều chủ đề);

– Kích thích sự tham gia tích cực của HS;

– Nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (Không chỉ hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 1 mà còn phải truyền đạt lại kết quả Vòng 1 và hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 2).

Cách tiến hành:

Vòng 1: Nhóm chuyên gia

+ Hoạt động theo nhóm ba đến tám người [số nhóm được chia = số chủ đề × n (n = 1, 2,...)].

+ Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ [Ví dụ: nhóm 1: nhiệm vụ A; nhóm 2: nhiệm vụ B, nhóm 3: nhiệm vụ C;... (có thể có nhóm cùng nhiệm vụ)].

+ Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình.

+ Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành "chuyên gia" của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở Vòng 2.

Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép

+ Hình thành nhóm ba đến sáu người mới (1 – 2 người từ nhóm 1, 1 – 2 người từ nhóm 2, 1 – 2 người từ nhóm 3,...).

Cánh Diều

+ Các câu trả lời và thông tin của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.

+ Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết.

+ Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ, trình bày và chia sẻ kết quả.

2.5. Kĩ thuật "Khăn trải bàn"

Kĩ thuật "Khăn trải bàn" tổ chức hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

– Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực;

– Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS;

– Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS;

Cách tiến hành:

– Hoạt động theo nhóm (tối thiểu 4 người/nhóm);

– Mỗi người ngồi vào vị trí của mình theo hướng dẫn cảu GV;

– Tập trung vào câu hỏi (hoặc chủ đề,...);

– Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về chủ đề,...). Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút;

– Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời;

– Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0).

II. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Kiểm tra đánh giá về phẩm chất

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã nhấn mạnh phát triển năm phẩm chất cho HS, bao gồm: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực. Các phẩm chất đó là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của HS; cùng với năng lực tạo nên nhân cách cho các em. Biểu hiện của các phẩm chất được thể hiện qua môn Mĩ thuật như sau:

Phẩm chất	Biểu hiện trong môn Mĩ thuật
Yêu nước	Yêu thiên nhiên, yêu con người, có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và không gian văn hoá, thẩm mĩ; bồi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hoá, nghệ thuật dân tộc.

Nhân ái	Yêu cái đẹp, trân trọng các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật và sự sáng tạo của nghệ sĩ; yêu cái thiện; tôn trọng sự khác biệt giữa con người; ghét cái xấu, cái ác; cảm thông với những người bị bệnh, tật,...; sẵn sàng học hỏi, hoà nhập và giúp đỡ mọi người, tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc.
Chăm chỉ	Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chăm làm, nhiệt tình tham gia các công việc trong lớp, trường, gia đình, cộng đồng, có ý thức vượt khó trong công việc.
Trung thực	Thật thà, ngay thẳng trong học tập; tôn trọng lẽ phải; lên án sự gian lận trong thi cử, thu thập và xử lí thông tin,...
Trách nhiệm	Có ý thức bảo vệ bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, môi trường, thiên nhiên; bảo quản các đồ dùng, công cụ, thiết bị dạy học, không đổ lỗi cho người khác; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, lớp,...

Đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất: Từ yêu cầu cần đạt được cụ thể trong mỗi bài học, GV xác định những phẩm chất cần hình thành, phát triển cho HS. Dựa trên quá trình học tập, thực hành, trải nghiệm của HS, GV sẽ đánh giá ý thức, sự chăm chỉ trong học tập, tìm hiểu các giá trị thẩm mĩ trong đời sống và nghệ thuật; thể hiện tình yêu thương giữa con người, niềm tự hào về truyền thống văn hoá nghệ thuật dân tộc, ý thức gìn giữ, phát huy những giá trị nghệ thuật thông qua biểu hiện thái độ, hành xử chia sẻ cảm nhận, ý tưởng trong việc ứng xử trước đối tượng thẩm mĩ và môi trường xung quanh; thể hiện tinh thần trách nhiệm, tính trung thực trong học tập, hợp tác và hiện thực hoá ý tưởng sáng tạo mang lại những giá trị thẩm mĩ cho bản thân và cộng đồng của HS.

Đánh giá phẩm chất trong dạy học môn Mĩ thuật có thể sử dụng các phương pháp đánh giá như: phương pháp quan sát (quan sát hành vi, thái độ của HS với thiên nhiên, môi trường sống, tác phẩm nghệ thuật, không gian văn hoá,...); phương pháp vấn đáp (hỏi HS về cách thức tự học, giao tiếp, hợp tác,...); các công cụ như: câu hỏi, bảng kiểm, bảng hỏi...), phương pháp kiểm tra viết (trả lời câu hỏi, bài tập,...).

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong Chương trình tổng thể 2018 đối với một số phẩm chất, có thể lập bảng đánh giá theo tiêu chí để đánh giá kết quả hình thành, phát triển một số phẩm chất chủ yếu thông qua dạy học môn Mĩ thuật. Ví dụ: Đánh giá phẩm chất trách nhiệm thông qua các biểu hiện của HS trong học tập môn Mĩ thuật.

Tiêu chí / Mức độ	Chưa đạt	Đạt
Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ		
Có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lí đồ dùng học tập của bản thân		
Không đổ lỗi cho người khác; có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình gây ra		
Quan tâm đến các công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng; tôn trọng và thực hiện nội quy chung		
Không đồng tình với những hành vi không phù hợp với nếp sống văn hoá và quy định ở nơi công cộng		
Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên, tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên		

2. Kiểm tra đánh giá về năng lực

2.1. Năng lực chung

Biểu hiện cụ thể các năng lực chung được mô tả theo bảng sau:

Nhóm năng lực	Chỉ báo/Biểu hiện của năng lực
Tự chủ và tự học	Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân, biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác; tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề
Giao tiếp và hợp tác	Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn; biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi

Các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) được hình thành, phát triển thông qua các hoạt động học tập; tuỳ theo đặc điểm, tính chất của mỗi dạng bài/chủ đề DH sẽ góp phần phát triển năng lực chung theo các biểu hiện cụ thể khác nhau. GV có thể đánh giá năng lực chung của

HS trong nhiều hoạt động đa dạng như hoạt động học tập, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo,... Chú trọng đánh giá sự tham gia tích cực, chủ động của HS trong các hoạt động Mĩ thuật. Đánh giá trong dạy học Mĩ thuật cần khích lệ, duy trì hứng thú học tập để các em sẵn sàng cho việc thực hành, sáng tạo và thảo luận nghệ thuật. Có thể sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá trong dạy học Mĩ thuật để kiểm tra, đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác. Thông qua các nhiệm vụ, bài tập, câu hỏi,... kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật, HS được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ về tác giả, nghệ sĩ, về tác phẩm, sản phẩm mĩ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật; giới thiệu kết quả học tập, thực hành của cá nhân, bạn bè; bày tỏ cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm về thẩm mĩ,... tạo nên kết quả học tập của nhóm dựa trên những cách thức hợp tác khác nhau. GV có thể thiết kế các nhiệm vụ, bài tập cho nhóm để đánh giá hoạt động nhóm qua đó phát triển năng lực giao tiếp hợp tác, sử dụng các phương pháp quan sát, phương pháp hỏi – đáp,... trong dạy học Mĩ thuật để khích lệ HS tự tin đưa ra các ý kiến, hợp tác với các bạn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

Giải quyết vấn đề và sáng tạo là đặc trưng trong học tập mĩ thuật. Thông qua các bài tập, các sản phẩm thực hành giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm của bản thân để tìm hiểu, khám phá và thực hành, trải nghiệm, phát hiện yếu tố thẩm mĩ trong nghệ thuật và đời sống; khích lệ các em đề xuất vấn đề, ý tưởng thẩm mĩ và lựa chọn giải pháp thể hiện; khuyến khích HS tiếp tục đổi mới trong tiến trình học tập trên cơ sở nhận thức và tư duy phản biện thẩm mĩ, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở các em.

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong Chương trình tổng thể 2018 đối với một số năng lực chung, có thể lập bảng đánh giá theo tiêu chí để đánh giá kết quả hình thành, phát triển một số năng lực chung thông qua dạy học môn Mĩ thuật. Ví dụ: Bảy định hướng đánh giá năng lực tự chủ và tự học thông qua dạy học môn Mĩ thuật:

Tiêu chí / **Mức độ**	**Chưa đạt**	**Đạt**
Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại		
Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập		
Biết kiên trì thực hiện kế hoạch học tập, lao động		

Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới		
Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện		
Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp		
Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được GV, bạn góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập		

2.2. Năng lực mĩ thuật

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 xác định những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định gồm: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mĩ, năng lực thể chất. Năng lực thẩm mĩ[1] là năng lực mĩ thuật đã được nêu ở Chương 1. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá, GV có thể dùng những động từ đã nêu (tr.10 SGV) hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HS.

Đánh giá năng lực quan sát và nhận thức thẩm mĩ: Dựa trên hoạt động quan sát đối tượng thẩm mĩ và thảo luận là chủ yếu. Trong đó, chú ý đến đánh giá khả năng nhận biết, cảm thụ và thu nhận thông tin ở đối tượng thẩm mĩ (đọc, hiểu thông tin, giá trị đối tượng quan sát), khả năng phản ứng, giao tiếp, phát biểu, thảo luận trong quan sát, tiếp nhận thông tin, hình thành nhận thức, khả năng liên hệ với thực hành, sáng tạo, thể hiện thái độ với hiện tượng, sự việc, vấn đề,... trong nghệ thuật và thực tiễn đời sống.

Đánh giá năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ: Dựa trên sản phẩm mĩ thuật và quá trình thực hành, sáng tạo và thảo luận là chủ yếu. Trong đó, chú ý đến đánh giá sự chia sẻ, đề xuất ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mĩ; khả năng thực hành, sáng tạo (sử dụng công cụ, phương tiện, đồ dùng, hình thức thực hành,...), phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề và hiện thực hoá ý tưởng, tạo sản phẩm mĩ thuật; khả năng làm việc độc lập và hợp tác; khả năng vận dụng sản phẩm vào học tập và đời sống

[1] Xem lại mục 3, phần I, chương 1 (trang 7).

thực tiễn; khả năng trao đổi, thảo luận, chia sẻ thông tin, phân tích, đánh giá, phản biện thẩm mĩ trong quá trình thực hành, sáng tạo và liên hệ vận dụng thực tiễn.

Đánh giá năng lực phân tích và đánh giá thẩm mĩ: Dựa trên kết quả thực hành, sáng tạo và quan sát, khám phá các sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật kết hợp với thảo luận, phân tích, đánh giá là chủ yếu. Theo đó, đánh giá cần chú ý đến sự cảm nhận, chia sẻ, phân tích, phản biện về đối tượng thẩm mĩ; khả năng tiếp cận sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật để khám phá, tìm hiểu, tiếp nhận thông tin, giá trị thẩm mĩ và liên hệ vận dụng thực tiễn dựa trên những kiến thức, kĩ năng mĩ thuật, kết hợp với kiến thức, kĩ năng của một số môn học, hoạt động khác; thể hiện sự học hỏi kinh nghiệm, sự hiện thực hoá ý tưởng và phát hiện vấn đề trong đánh giá đối tượng thẩm mĩ trong nghệ thuật và thực tiễn đời sống.

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong Chương trình phổ thông 2018 đối với một số năng lực đặc thù, có thể lập bảng đánh giá theo tiêu chí để đánh giá kết quả hình thành, phát triển một số năng lực đặc thù thông qua DH môn Mĩ thuật. Ví dụ: Đánh giá năng lực quan sát và nhận thức thẩm mĩ thông qua các biểu hiện của HS trong học tập môn Mĩ thuật:

Tiêu chí / **Mức độ**	**Chưa đạt**	**Đạt**
Nhận biết được yếu tố thẩm mĩ trong đời sống		
Nhận biết được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ		
Nhận biết được giá trị thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật		
Nêu được cảm nhận về vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ		
Nhận biết được ý tưởng thẩm mĩ của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật		
Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong đời sống		
Biết liên hệ giá trị thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành sáng tạo		

Cánh Diều

PHẦN 3

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 6

CHỦ ĐỀ: KẾT NỐI BẠN BÈ

Bài 1 **CHÂN DUNG BẠN EM** *(2 tiết)*

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng ở HS những phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực qua các biểu hiện chủ yếu sau:

– Thể hiện tình thương, quý mến, hoà đồng với bạn trong lớp, biết quan tâm bạn; tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của người khác.

– Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập, không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn.

– Hăng hái trao đổi, thảo luận, có ý thức trong các hoạt động chung; có thái độ không đồng tình với các biểu hiện không đúng.

– Biết giữ vệ sinh lớp học và có ý thức bảo quản đồ dùng học tập; Biết trân trọng sản phẩm của mình và của bạn.

2. Năng lực

Bài học góp phần từng bước hình thành, phát triển các năng lực ở HS qua các biểu hiện chính sau:

2.1. Năng lực mĩ thuật

– Nêu được đặc điểm của thể loại tranh chân dung.

– Tìm hiểu và nắm được tỉ lệ khuôn mặt người, trình bày được cách vẽ và vẽ được tranh chân dung người bạn của mình.

– Giới thiệu và nêu được cảm nhận về tranh chân dung.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị đủ đồ dùng, vật liệu để học tập, tự giác tham gia học tập.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét đặc điểm khuôn mặt, tác phẩm, sản phẩm nghệ thuật.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Lựa chọn, sử dụng công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo sản phẩm.

Cánh Diều

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét sản phẩm theo chủ đề.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, kế hoạch DH, phiên bản tranh chân dung của hoạ sĩ, ảnh chân dung, bài vẽ chân dung của HS, tranh chân dung thời kì La Mã và Ai Cập cổ đại, hình minh hoạ thực hành, giấy, màu, bút,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, giấy, bút chì, tẩy, màu vẽ,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, vấn đáp, gợi mở, luyện tập, thực hành, thảo luận, thuyết trình,...

2. Kĩ thuật dạy học: kĩ thuật động não, kĩ thuật đặt câu hỏi.

3. Hình thức tổ chức dạy học: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số; gợi mở HS giới thiệu những đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Cách 1: GV giới thiệu ở bậc tiểu học đã được học vẽ tranh chân dung và hỏi HS tranh chân dung là gì. Sau khi HS trả lời, GV dẫn vào nội dung, bài học sẽ giúp các em hiểu hơn về tranh chân dung bằng việc vẽ chân dung người bạn của mình.

Cách 2: GV đưa ra câu hỏi: Có những cách nào để lưu giữ lại chân dung của một người? Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt vào nội dung bài: Có nhiều cách để lưu giữ chân dung như: chụp ảnh, vẽ tranh, nặn tượng,... Thông thường nhất vẫn là chụp ảnh chân dung và vẽ tranh chân dung. Bài học sẽ giúp HS hiểu hơn về tranh chân dung bằng việc vẽ chân dung người bạn của mình.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS *Khám phá*

– GV hướng dẫn HS quan sát các bức tranh trong SGK do hoạ sĩ và HS vẽ, kết hợp hình ảnh GV sưu tầm (nếu có) để tìm hiểu về đặc điểm chân dung của nhân vật qua các câu hỏi gợi ý. GV có thể chia nhóm để mỗi nhóm tìm hiểu một hoặc hai tác phẩm tranh chân dung.

Nội dung tìm hiểu:

+ Tranh vẽ về ai? (trẻ em, thanh niên, nam hay nữ,...)

+ Loại chân dung (diễn tả khuôn mặt, nửa người, cả người,...).

+ Đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm của khuôn mặt nhân vật trong tranh.

+ Tóc và trang phục có gì đặc biệt?

+ Trạng thái tình cảm của nhân vật thế nào?

+ Bố cục, đường nét, màu sắc trong tranh (gam màu chủ đạo trong tranh, màu được sử dụng nhiều trong tranh) ra sao?

+ Em thấy nhân vật có gì đặc biệt? Em ấn tượng với điều gì trong tranh? Cảm nhận chung của em về bức tranh?

– GV nhận xét, kết luận:

+ Mỗi người chúng ta đều có những đặc điểm riêng về chân dung, đặc biệt là qua khuôn mặt, đó cũng chính yếu tố để phân biệt người này với người khác.

+ Tranh chân dung là loại tranh vẽ về người, diễn tả nổi bật đặc điểm vẻ ngoài nhất là qua khuôn mặt, tranh còn thể hiện trạng thái cảm xúc của nhân vật thông qua đường nét, màu sắc. Qua tranh có thể biết được tính cách, tình cảm, lứa tuổi,... của nhân vật. Tranh chân dung được thể hiện bằng nhiều hình thức và chất liệu khác nhau, màu sắc trong tranh rất phong phú, được lựa chọn theo ý thích của người vẽ.

– Các thông tin trong bảng dưới đây là gợi ý để GV khai thác hình ảnh:

Chân dung trong nghệ thuật Ai Cập cổ đại Hội hoạ của Ai Cập cổ đại gắn liền với các khu lăng mộ, trong đó có tranh chân dung diễn tả hình ảnh người đã mất. Bức tranh diễn tả chân dung của Sennefer và vợ. Ông là người đứng đầu thành phố Thebes dưới triều Amenhotep II (khoảng 1428 – 1400 TCN). Tranh được bố cục theo địa vị của nhân vật, nhân vật quan trọng và chức vị lớn được vẽ to, vợ của ông là Meryt được vẽ nhỏ phía dưới. Chân dung con người theo nghệ thuật Ai Cập cổ đại là sản phẩm của hai góc nhìn khác nhau: chính diện và mặt nghiêng (mặt bên). Mắt, tai và phần thân trên được mô tả trực diện; trong khi đầu, hông, chân được mô tả nghiêng. Sennefer đang ngồi, xung quanh là cây ished – biểu tượng cho sự vĩnh hằng. Một tay ông cầm bông hoa sen, tay kia nắm quyền trượng. Màu da người đàn ông được vẽ đậm hơn so với người phụ nữ. Tranh sử dụng các yếu tố mảng, nét, màu có tính đồ hoạ để diễn tả chân dung nhân vật, mang màu sắc tôn giáo.	**Chân dung trong nghệ thuật La Mã cổ đại** Đây là bức tranh chân dung nhìn nghiêng một phụ nữ trẻ, tay cầm cuốn sách. Tranh thể hiện vẻ đẹp thanh tú người phụ nữ. Các chi tiết trên khuôn mặt được miêu tả tỉ mỉ: mắt to tròn, tóc xoăn đen, đầu đội mạng che tóc, một tay cầm bút, một tay cầm sách, vẻ mặt suy tư. Chân dung được vẽ trong một bố cục khung hình tròn, có hệ thống đậm, nhạt cân đối.	**Bạn Mai** – Tranh của HS Hà Linh Đây là chân dung một bạn gái với khuôn mặt trái xoan, mắt to, mũi nhỏ, tóc tết hai bên dễ thương. Nhân vật mặc chiếc áo màu vàng có hoạ tiết là hình con số và chú chó nhỏ. Bố cục tranh cân đối, tập trung mô tả khuôn mặt, trang phục, hoạ tiết trên áo. Màu sắc tranh hài hoà, tươi sáng; thể hiện sự hồn nhiên, đáng yêu.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS *Sáng tạo*

a. Tổ chức, hướng dẫn cho HS tìm ý tưởng

– GV cho HS quan sát hình ảnh các nhân vật từ các vùng miền (do GV chuẩn bị). Sau đó, GV gợi ý cho HS tìm hiểu, chia sẻ ý tưởng sáng tạo của mình về tranh chân dung theo những gợi ý:

+ Em sẽ vẽ chân dung bạn nào? Bạn có đặc điểm chân dung gì nổi bật?

+ Em sẽ chọn hình ảnh nào để vẽ về bạn (chỉ vẽ khuôn mặt hay có cả trang phục, hình ảnh trang trí về bạn,...)?

+ Em sẽ vẽ chân dung bằng cách nào? Em chọn vật liệu gì để vẽ chân dung: màu sáp, màu nước hay màu bột,...? Em vẽ hình bằng nét trước rồi vẽ màu hay vẽ các mảng màu trước và vẽ các nét chi tiết sau?

– Khi HS đã có ý tưởng vẽ chân dung, GV chuyển sang hướng dẫn cách vẽ chân dung.

Lưu ý: HS chú ý đến đặc điểm của khuôn mặt, trang phục, màu da để vẽ chân dung, cần trân trọng những đặc điểm riêng của mình và tôn trọng những đặc điểm của bạn. Em nên chăm sóc sức khoẻ bằng việc ăn uống điều độ, tập luyện để có cơ thể cân đối, khoẻ mạnh.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

– GV hướng dẫn HS trao đổi, đưa ra ý kiến về cách vẽ tranh chân dung. Sau đó nhận xét các ý kiến và gợi ý HS cách vẽ tranh chân dung theo gợi ý:

Cách 1: Vẽ hình bằng nét

+ Bước 1: Tìm bố cục và vẽ phác hình dáng chính của nhân vật (khuôn mặt, trang phục,...) cân đối trên khổ giấy (GV có thể thị phạm, minh hoạ để HS hiểu được tính cân đối của hình mảng được sắp xếp trên trang giấy).

+ Bước 2: Vẽ chi tiết các bộ phận. Chú ý những đặc điểm riêng biệt của nhân vật (mắt, tóc, trang phục,...), sự cân đối về tỉ lệ các bộ phận trên cơ thể của mẫu để phân rõ mảng màu theo giải phẫu, theo đậm, nhạt bị chi phối của ánh sáng.

+ Bước 3: Vẽ màu và hoàn thiện. Có thể thêm một vài chi tiết cần thiết để hoàn thiện tranh. Chú ý màu sắc hài hoà thể hiện được tính cách, cảm xúc của nhân vật (GV có thể nhắc lại và diễn giải thêm các phương pháp thực hành trong SGK).

Cách 2: Vẽ hình bằng mảng màu

Cách vẽ này chỉ áp dụng khi sử dụng màu bột, màu gouache,...

+ Bước 1: Vẽ nền bằng mảng màu lớn từ một hoặc nhiều màu.

+ Bước 2: Dùng bút màu vẽ các hình mảng tạo hình ảnh cho nhân vật về khuôn mặt, đầu tóc, quần áo.

+ Bước 3: Vẽ thêm các chi tiết để làm rõ đặc điểm của nhân vật.

Lưu ý: GV phân tích cho HS hiểu thêm về bố cục tranh, cách sử dụng màu sắc trên tranh để khắc hoạ đặc điểm, tính cách, tình cảm của nhân vật muốn thể hiện. GV có thể cho HS quan sát thêm một số bức tranh chân dung do GV hoặc HS sưu tầm.

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

GV tổ chức cho HS sáng tạo cá nhân: Mỗi HS vẽ một hoặc nhiều bức tranh chân dung về người bạn của mình.

GV quan sát HS thực hành; trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lí kịp thời (phân tích, giải thích, hướng dẫn, thị phạm hoặc hỗ trợ,...) khi cần thiết; khích lệ HS quan sát, trao đổi với các bạn trong lớp. GV nên gợi ý cách khai thác đặc điểm mẫu, khi vẽ có thể sáng tạo màu sắc trang phục theo ý thích để bài vẽ phong phú hơn.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS *Thảo luận*

– GV cho HS trưng bày sản phẩm lên bảng hoặc xung quanh lớp và hướng dẫn HS giới thiệu, chia sẻ về bức tranh của mình theo gợi ý:

+ Bố cục, đường nét, màu sắc trong tranh.

+ Đặc điểm, trạng thái cảm xúc của nhân vật trong tranh.

+ Em thích tranh của bạn nào? Vì sao? Nêu cảm nhận của em về bức tranh.

+ Chia sẻ tình cảm em muốn thể hiện qua bức tranh tới bạn.

– GV dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ của HS để đánh giá kết quả thực hành, sáng tạo sản phẩm do HS làm ra. Qua đó kết hợp bồi dưỡng, GV giáo dục HS

Cánh Diều

ý thức tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người, tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS *Ứng dụng*

– GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh trong SGK để thấy nghệ thuật vẽ chân dung còn được ứng dụng vào biểu diễn sân khấu như hoá trang, mặt nạ tuồng,... (đặc điểm, tính cách của nhân vật được vẽ trực tiếp lên mặt nghệ sĩ biểu diễn).

– Có thể tạo tranh chân dung bằng những cách độc đáo từ rau, củ, quả như trong tranh của hoạ sĩ Giuseppe Arcimboldo hoặc bằng các kĩ thuật khác như: xé dán, gắn, ghép các vật liệu,...

– Ứng dụng sản phẩm tranh chân dung để làm đồ trang trí, quà tặng,... trong cuộc sống.

Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV hệ thống lại các nội dung kiến thức chính bao gồm:

+ Tranh chân dung là tranh vẽ về người thể hiện được đặc điểm bề ngoài cũng như tính cách, trạng thái cảm xúc của nhân vật thông qua các yếu tố ngôn ngữ tạo hình: đường nét, màu sắc, bố cục,...

+ Tranh chân dung được vẽ với nhiều hình thức và chất liệu khác nhau.

+ Màu sắc cũng thể hiện cá tính của nhân vật, tình cảm của người vẽ.

+ Để vẽ chân dung đạt hiệu quả thì việc quan sát và nhận ra đặc điểm riêng của nhân vật là rất quan trọng.

– GV nhắc HS: Tìm hiểu và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 2, SGK Mĩ thuật 6.

Cánh Diều

Bài 2 **TẠO HÌNH NHÓM NHÂN VẬT** *(2 tiết)*

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng ở HS các phẩm chất của người công dân như: đức tính chăm chỉ, yêu nước, trung thực, trách nhiệm thông qua một số biểu hiện sau:

– Có thái độ phấn đấu học tập, sáng tạo để phát triển bản thân và đóng góp cho đất nước.

– Thể hiện, phát biểu cảm nghĩ, tình yêu thương đối với con người.

– Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập, tích cực tham gia hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.

– Không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn, có thái độ không đồng tình với các biểu hiện không đúng.

– Trân trọng và giữ gìn các sản phẩm tạo hình như tượng, tượng đài nơi công cộng. Yêu quý sản phẩm mĩ thuật do mình, bạn và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mĩ thuật

– Biết cách sử dụng các vật liệu sẵn có để tạo hình sản phẩm điêu khắc.

– Tạo hình nhóm nhân vật người theo những tư thế khác nhau.

– Xây dựng được nội dung theo các dáng khác nhau.

– Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, nhóm và bạn bè.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ bản thân, nhóm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng nhau thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy bạc, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm. Phát biểu và thực hiện được ý tưởng sáng tạo trên sản phẩm.

Cánh Diều

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Phát triển khả năng trao đổi, thảo luận qua việc giới thiệu, nhận xét, chia sẻ ý tưởng các sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6; kế hoạch DH; vật liệu, công cụ: giấy bạc, giấy màu, hình ảnh các sản phẩm tạo hình nhân vật ở tư thế hình dáng khác nhau; hình ảnh cách làm tạo nhóm nhân vật,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6; vật liệu, công cụ,... như mục chuẩn bị trong SGK và GV đã hướng dẫn ở phần bài tập (tuỳ theo điều kiện vùng miền, GV có thể yêu cầu HS chuẩn bị giấy màu, giấy bạc, giấy bìa hoặc đất nặn để trình bày sản phẩm).

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kĩ thuật dạy học: động não, thảo luận.

3. Hình thức: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số, gợi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị, kích thích HS tập trung vào tiết học, có thể gây chú ý ngay từ phút đầu bằng một số sản phẩm tạo hình ảnh nhóm nhân vật được chuẩn bị trước.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể giới thiệu bài học theo những gợi ý sau:

Cách 1: Vào bài bằng cách cho xem sản phẩm và kể một câu chuyện liên quan.

Cách 2: Giới thiệu về một số tác phẩm tượng, tượng đài liên quan đến mục tiêu bài học.

Cách 3: Đề cập đến sự khéo tay và khuyến khích HS rằng các em có thể làm được rất tốt việc tạo hình nhân vật.

Cách 4: Vào bài trực tiếp.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS *Khám phá*

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trong SGK, yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ, hoặc GV trực tiếp nêu vấn đề qua các câu hỏi trong SGK:

+ Em đã biết bức tượng nào sau đây?

+ Em có nhận xét gì về cách tạo hình nhân vật?

Lưu ý: Tuỳ tình hình thực tiễn địa phương, GV có thể sáng tạo cho phù hợp nội dung và nhận thức của HS. Nếu ở khu vực thành phố lớn, nên lưu ý và hướng cho HS đến bảo tàng để tìm hiểu yếu tố tượng thời tiền sử và cổ đại ở Việt Nam và thế giới.

– HS trình bày kết quả thảo luận, GV nhận xét, kết luận:

+ Khẳng định HS có thể tự tạo hình nhóm nhân vật.

+ Đặc điểm cơ bản của tạo hình nhóm nhân vật là: hình dáng, bộ phận, chất liệu tạo thành,... Hình dáng, tỉ lệ, kích thước nhân vật rất đa dạng.

+ Chú ý những yếu tố nổi bật, tính sáng tạo, nghệ thuật tạo hình đặc trưng cần thể hiện trên sản phẩm.

+ Ý nghĩa của tạo hình nhóm nhân vật.

+ Mở rộng kiến thức sang các lĩnh vực khác được giới thiệu trong mục Em có biết.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS *Sáng tạo*

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– Xác định chủ đề

Đầu tiên cần lưu ý khi **thiết kế nhân vật** cần lên ý tưởng một câu chuyện và mục đích diễn tả như vui chơi, cùng nhau học bài,...

– Chọn các hình dáng điển hình

Khi HS đã xác định chủ đề nhân vật, GV hãy tiếp tục khơi gợi, hỏi HS muốn hình dáng, tư thế của nhân vật sẽ như thế nào? Nhân vật cần những phụ kiện gì?,... Từ đây, HS có thể phát triển nhân vật một cách thuyết phục và khéo léo.

– Xác định phương pháp thực hành

GV hướng dẫn HS sử dụng chất liệu: sử dụng giấy bạc/giấy tráng kim loại,

giấy màu hoặc đất nặn để tạo nhóm nhân vật. Tuỳ thuộc ý đồ tạo hình, kích thước to hay nhỏ để tạo khung đỡ bên trong nhân vật (dây thép hay que tre,...) để tạo tư thế, hình dáng cho nhân vật.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

– Trong bài này, GV triển khai hướng dẫn cách tạo hình nhóm nhân vật theo các bước, đảm bảo HS có thể làm được (theo cá nhân hoặc nhóm nhỏ) và khuyến khích HS làm theo các cách khác nhau. Các cách tạo hình nhân vật rất đa dạng, tuỳ thuộc chất liệu được sử dụng. Các chất liệu thông dụng, dễ kiếm có thể là: giấy bạc, giấy màu, giấy bọc thức ăn, đất sét, đất nặn,...

– GV chỉ gợi mở, khuyến khích HS tự chọn ý tưởng tạo hình nhóm nhân vật, không can thiệp sâu vào ý tưởng của HS. Các gợi ý có thể như sau:

+ Cho HS trao đổi cách tạo hình và chọn hình thức trang trí phù hợp.

+ Phát triển ý tưởng của HS bằng kĩ thuật dạy học hiện đại sao cho càng nhiều ý tưởng nêu ra càng tốt.

+ GV đánh giá sơ bộ và giao nhiệm vụ thực hiện.

c. Tổ chức, hướng dẫn cho HS luyện tập

– Phần này thường được tiến hành khi sang tiết thứ hai của bài.

– GV theo dõi và giúp đỡ HS trong quá trình thực hiện và góp ý thêm về thẩm mĩ. Trong quá trình tạo hình nhóm nhân vật, GV cần giao nhiệm vụ cụ thể và có quy định thời gian hoàn thành, nên chú trọng vào yếu tố sáng tạo và các ý tưởng để đánh giá thay vì chỉ đánh giá sản phẩm cuối cùng ở mức hoàn thành hay không. Phần luyện tập nên đặt ra chủ đề rõ ràng cho cá nhân hoặc nhóm HS.

– Những điều GV cần lưu ý khi hướng dẫn tạo hình nhân vật:

+ Không nên sử dụng quá nhiều màu sắc.

+ Không nên quá coi trọng về tỉ lệ.

+ Luôn ghi nhớ đặt nhân vật vào đúng bối cảnh dự định.

+ Chọn chất liệu an toàn cho sức khoẻ.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS *Thảo luận*

– GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm trên bàn và yêu cầu HS quan sát, nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình, của bạn dựa trên:

+ Hình dáng, tư thế của nhân vật, nhóm nhân vật.

+ Chỉ ra chỗ sáng tạo nhất của sản phẩm.

+ Em thích phần trình bày nhóm nhân vật nào nhất, vì sao?

+ Em có thể giới thiệu về một bức tượng thuộc thời kì tiền sử, cổ đại (trên thế giới hoặc ở Việt Nam) mà em biết.

– GV lưu ý nhiều hơn đến yếu tố nghệ thuật của sản phẩm, tính sáng tạo và những ý tưởng độc đáo, phát triển thông điệp về cảnh quan môi trường để HS có ý thức hơn.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS *Ứng dụng*

– GV gợi ý cho HS ứng dụng sản phẩm qua những câu hỏi gợi mở như:

+ Dự định tiếp của em qua bài học này là gì?

+ Qua bài học hôm nay, em có ý tưởng gì để góp phần làm đẹp cảnh quan môi trường nơi em sống?

– GV gợi mở HS có thể sáng tạo ra các sản phẩm điêu khắc bằng giấy và vật liệu khác để trang trí cho góc học tập. Sử dụng kiến thức bài học để sáng tạo ra những sản phẩm tạo hình, hiểu thêm về nghệ thuật điêu khắc truyền thống, yêu thích nghệ thuật tạo hình điêu khắc.

Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV củng cố kiến thức bài học dựa trên những ý sau:

Cánh Diều

+ Tạo hình nhân vật thông qua ngôn ngữ tạo hình điêu khắc, các nhân vật được tạo nên từ những chất liệu quen thuộc như giấy bạc, giấy ăn, đất nặn,... Các nhân vật được tạo dáng và đặt trong không gian 3 chiều rất sinh động và hấp dẫn.

+ Tác phẩm điêu khắc nhóm nhân vật ngoài vẻ đẹp về hình khối còn cần nội dung chủ đề cần thể hiện.

+ Để tạo hình nhân vật, có thể dùng vật liệu đơn giản bằng giấy, có thể kết hợp với dây thép và tìm cách để cho nhân vật đứng được

– GV nhắc HS: Tìm hiểu và chuẩn bị đồ dùng, học tập cho Bài 3, SGK Mĩ thuật 6.

Cánh Diều

Bài 3 IN TRANH KẾT HỢP NHIỀU BẢN KHẮC *(2 tiết)*

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, bồi dưỡng ở HS các phẩm chất của người công dân như lòng yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực thông qua một số biểu hiện sau:

– Yêu thiên nhiên, thể hiện cảm nghĩ về tình yêu cái đẹp trong tạo hình khuôn và in tranh kết hợp nhiều bản khắc.

– Biết chuẩn bị đồ dùng học tập, tích cực tham gia các hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.

– Có ý thức, nhận thức về sử dụng tạo hình khuôn và in tranh. Biết bảo quản và sử dụng hợp lí đồ dùng học tập của bản thân, giữ gìn vệ sinh lớp học.

– Hăng hái, trao đổi, chia sẻ chân thực suy nghĩ cảm nhận, thể hiện sự trân trọng sản phẩm mĩ thuật do mình, bạn và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học hình thành phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mĩ thuật

– Biết cách tạo hình khuôn để in theo ý muốn.

– Bước đầu nhận biết được đặc điểm của các kĩ thuật in (in nổi, in lõm) và cách sử dụng tạo hình khuôn trong in tranh kết hợp nhiều bản khắc.

– Tìm hiểu và nắm được cách sáng tạo sản phẩm theo những cách khác nhau.

– Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy màu, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm; phát biểu và thực hiện được ý tưởng sáng tạo trên sản phẩm.

Cánh Diều

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Phát triển khả năng trao đổi, thảo luận qua việc giới thiệu, nhận xét, chia sẻ ý tưởng các sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6; kế hoạch DH; minh hoạ về đồ vật sẵn có có thể dùng để tạo khuôn in, làm khuôn tạo hình; một số bài vẽ có nội dung về đồ vật có ý nghĩa liên hệ thực tế,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6; giấy để in tranh, giấy trắng A4 hoặc giấy màu để tạo bản in; màu (acrylic); bút vẽ để trộn và vẽ màu; khay trộn màu; trái cây và rau quả (củ cà rốt, bí, khoai tây, cải bắp, cần tây và hành tây,...); dao gọt quả,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kĩ thuật dạy học: động não, đặt câu hỏi,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số lớp học, gợi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị, kích thích HS tập trung vào tiết học.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể giới thiệu bài học theo những gợi ý sau:

Cách 1: Vào bài bằng cách cho HS xem sản phẩm và kể một câu chuyện liên quan đến tiết học.

Cách 2: GV đề cập đến sự khéo tay và khuyến khích HS rằng các em có thể làm được.

Cách 3: Chuyển trực tiếp.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS *Khám phá*

a. Hoạt động quan sát, nhận xét

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trong SGK, yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ hoặc GV trực tiếp nêu vấn đề qua các câu hỏi:

+ Giới thiệu những cách tạo ra khuôn in và cách in.

+ Khuôn in thường được làm bằng chất liệu gì?

+ Em có thể kể và giới thiệu thêm những hình ảnh tự nhiên từ các đồ vật có thể tạo thành khuôn in.

+ Con người đã học được gì từ thiên nhiên?

+ Chia sẻ ý tưởng.

b. Tìm hiểu bản in khắc gỗ, in kết hợp nhiều bản khắc

– Tuỳ tình hình thực tiễn địa phương, GV có thể sáng tạo cho phù hợp nội dung và nhận thức của HS. HS trình bày kết quả thảo luận, GV nhận xét, kết luận:

+ Đặc điểm cơ bản của nghệ thuật in sử dụng khuôn in như: in nổi, in lõm, chất liệu của đồ vật dùng để in.

+ Khẳng định HS có thể tự làm được khuôn in tranh từ đồ vật dễ dàng.

– GV sử dụng hình minh hoạ trong SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có). Yêu cầu HS quan sát và có thể chốt lại các ý chính về:

+ Hình dáng các loại rau, củ rất phong phú, đa dạng.

+ Nghệ thuật tranh in đặc trưng dùng khuôn in.

+ Những đặc điểm nổi bật, tính sáng tạo trên sản phẩm.

+ Mở rộng kiến thức sang các lĩnh vực khác được giới thiệu trong mục.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS *Sáng tạo*

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

Việc tìm ý tưởng dựa trên ba bước chính:

– Xác định chủ đề in.

– Chọn hình tượng điển hình để tạo khuôn.

– Xác định phương pháp thực hành.

Dựa vào kĩ thuật in nổi, in lõm đã biết, GV khuyến khích HS tìm tòi nhiều ý tưởng từ nhiều đồ vật đã qua sử dụng, từ rau củ quả tự nhiên,...

b. Tổ chức, hướng dẫn cho HS thực hành

– GV triển khai hướng dẫn HS cách chọn đồ vật sẵn có để tạo hình khuôn in theo các bước, đảm bảo HS có thể làm được (theo cá nhân hoặc nhóm nhỏ). Việc tạo ra sản phẩm cần thực hiện theo các bước lần lượt và cách in có rất nhiều. Dưới đây là gợi ý cho GV:

+ Tạo khuôn hình đồ vật kết hợp với vẽ bổ sung một số chi tiết để hoàn thành sản phẩm.

+ Tạo khuôn hình in bằng sử dụng củ, quả.

– GV cần lưu ý HS cẩn thận khi sử dụng các vật sắc nhọn (dao, kéo) để tạo hình từ củ, quả. Dựa trên tình hình thực tế, GV nên chuẩn bị các đồ dùng cho học sinh, nhất là những đồ dùng có nguy cơ không an toàn.

Căn cứ vào thực tiễn hoạt động của HS, GV có thể vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo thông qua hình thức tổ chức theo cá nhân hoặc nhóm.

1. Chọn vật liệu và tạo khuôn

2. Quét màu lên các khuôn in vừa tạo

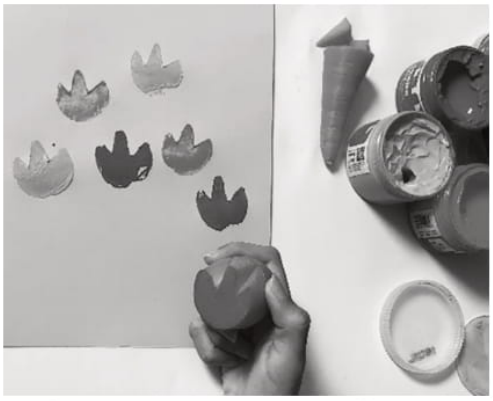

3. Tiếp tục in để tạo ra bố cục chính

4. Hoàn thành bức tranh

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

– GV giao nhiệm vụ mỗi HS sẽ tạo hình các khuôn in và kết hợp chúng để sáng tạo bức tranh theo chủ đề HS thích.

– GV có thể cho HS trao đổi trong nhóm: Mỗi cá nhân quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn về sản phẩm của mình, của bạn. GV có thể gợi ý một số nội dung trao đổi cho các nhóm hoặc ở mỗi nhóm, mỗi cá nhân, khích lệ HS nêu câu hỏi với bạn.

– GV quan sát, theo dõi HS thực hành, nắm bắt thông tin HS thực hiện nhiệm vụ kết hợp hướng dẫn HS khi cần thiết.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS *Thảo luận*

– GV tổ chức HS trưng bày sản phẩm, hướng dẫn HS quan sát, nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn theo những ý sau:

+ Nêu cách thực hiện sản phẩm.

+ Em có thể chỉ ra chỗ sáng tạo nhất của sản phẩm không?

+ Em thích phần nào nhất, vì sao?

+ Cảm nhận của em về sản phẩm.

– GV lưu ý nhiều hơn đến yếu tố nghệ thuật của sản phẩm, tính sáng tạo và những ý tưởng độc đáo; khuyến khích, gợi mở HS phát triển các dự án nhỏ liên quan đến bài học.

Hoạt động 6. Tổ chức, hướng dẫn HS *Ứng dụng*

a. Tổ chức, hướng dẫn HS cách ứng dụng sản phẩm bài học

Về sản phẩm, GV có thể nhắc HS thói quen quan sát để lựa chọn và sử dụng đồ vật sẵn có để tạo khuôn in. Bản thân đồ vật đã có tính thẩm mĩ có thể sử dụng làm khuôn in mà không cần thay đổi nhiều. Qua bài học, GV có thể hỏi suy nghĩ của HS theo gợi ý:

+ Khuôn in có những ứng dụng gì trong cuộc sống hằng ngày mà em biết? Em có dự định gì qua bài học này?

+ Qua bài học hôm nay, em có ý tưởng gì để sản phẩm của mình sáng tạo, hoàn thiện hơn?

b. Tổ chức, hướng dẫn HS ứng dụng kiến thức bài học vào cuộc sống

Sản phẩm khi đã hoàn thành, GV hướng dẫn HS có thể trang trí góc học tập, tặng người thân trong gia đình, bạn bè,...

Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV nhắc lại các kiến thức chính của bài học và những điều cần ghi nhớ:

+ Chọn nội dung ý tưởng.

+ Lựa chọn vật liệu.

+ In sắp xếp hình.

– GV giao nhiệm vụ học tập cho HS theo lớp, nhóm, tổ tìm hiểu và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 4, SGK Mĩ thuật 6.

Cánh Diều

CHỦ ĐỀ: DI SẢN MĨ THUẬT

Bài 4 NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TIỀN SỬ VÀ CỔ ĐẠI *(2 tiết)*

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm được biểu hiện chủ yếu qua một số hoạt động sau:

– Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.

– Chia sẻ thẳng thắn suy nghĩ, cảm nhận của bản thân trong thảo luận.

– Tôn trọng sản phẩm mĩ thuật do mình, do bạn và người khác tạo ra.

– Trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hoá nghệ thuật của nhân loại.

– Biết giữ vệ sinh lớp học, bảo quản sản phẩm và đồ dùng học tập.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

2.1. Năng lực mĩ thuật

– Phân tích được một số yếu tố về thẩm mĩ của nghệ thuật tiền sử và cổ đại.

– Vẽ được tranh mô phỏng theo phong cách tạo hình của nghệ thuật Ai Cập cổ đại hoặc các phong cách tạo hình nghệ thuật tiền sử và cổ đại khác.

– Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm. Biết trân trọng, giữ gìn những giá trị nghệ thuật của Việt Nam cũng như của các dân tộc khác trên thế giới.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động lựa chọn cách thực hành.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét sản phẩm.

Cánh Diều

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, kế hoạch DH, đồ dùng, thiết bị dạy học, ảnh các tác phẩm nghệ thuật tạo hình thời tiền sử và cổ đại, tranh vẽ theo phong cách nghệ thuật tiền sử và cổ đại, giấy, màu, bút,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, giấy, bút, màu,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, quan sát, gợi mở, luyện tập, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kĩ thuật dạy học: động não, đặt câu hỏi,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV cho HS chuẩn bị tâm thế vào tiết học bằng các hoạt động sau: kiểm tra sĩ số, kiểm tra bài tập của HS đã giao từ tiết học trước,...

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV nêu vấn đề, gợi mở nội dung bài học dựa trên một số cách dưới đây:

Cách 1: Cho HS xem đoạn video về một số nền văn hoá thời kì tiền sử, cổ đại; yêu cầu HS nêu nội dung của video, dẫn dắt giới thiệu vào bài học: tìm hiểu về nghệ thuật tạo hình tiền sử và cổ đại để từ đó sáng tạo tranh theo lối tạo hình đó.

Cách 2: Để hai bức ảnh in tác phẩm nghệ thuật tạo hình thời kì tiền sử (hoặc cổ đại) và thời kì hiện đại cho HS quan sát và tìm những điểm khác biệt, dẫn dắt giới thiệu vào bài học tìm hiểu nghệ thuật tạo hình tiền sử và cổ đại.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS *Khám phá*

a. Quan sát, nhận biết nghệ thuật tạo hình tiền sử và cổ đại

– GV tổ chức chia nhóm HS và yêu cầu HS quan sát hình ảnh minh hoạ trong SGK, kết hợp với tranh ảnh đã chuẩn bị, thảo luận về nét, màu sắc, bố cục trong nghệ thuật thời tiền sử và cổ đại với các câu hỏi gợi ý:

* Nét trong nghệ thuật thời kì tiền sử và cổ đại:

+ Nét được sử dụng với mục đích gì trong những bức vẽ?

+ Em có cảm nhận gì khi quan sát nét trong các bức vẽ?

* Màu sắc trong nghệ thuật thời kì tiền sử và cổ đại:

+ Em thấy màu sắc trong các bức vẽ như thế nào?

+ Em có biết người xưa đã tạo ra màu từ những nguyên liệu nào không?

* Bố cục trong nghệ thuật thời kì tiền sử và cổ đại:

+ Nhận xét cách sắp xếp các nhân vật trong tranh.

+ Không gian trong tranh được gợi tả như thế nào?

– Sau khi các nhóm trình bày, GV nhận xét và kết luận. Dưới đây là một số gợi ý nhận xét về các tác phẩm nghệ thuật thời kì tiền sử và cổ đại:

Hình 1: Là một trong những hình vẽ tiêu biểu trong hang động thời kì tiền sử. Thời kì này các con thú được vẽ rất đẹp, chính xác, sinh động. Các bức vẽ diễn tả lại nhiều cảnh sinh hoạt như đi săn, đánh cá, voi mẹ bảo vệ voi con,... Nét vẽ linh hoạt, có nhấn nhá đậm nhạt gợi tả khối đúng hình dáng, động tác, đặc trưng tư thế, thần thái của từng loài vật. Màu được tạo bởi khoáng chất tự nhiên pha với chất keo, có thể là keo xương động vật hoặc chất keo tự nhiên.
Hình 2: Hình chạm khắc trên vách đá hang Đồng Nội, Hoà Bình có bốn hình chạm khắc trong đó có một hình nửa mặt người, hai hình mặt người đầy đủ mắt, mũi, miệng. Hình được chạm khắc theo đường viền chu vi mặt, nhìn theo hướng chính diện, mọc thẳng trên đỉnh đầu là nét đục lõm hình chữ Y,... Hình thứ tư trong hang Đồng Nội là hình kiểu mặt thú: râu dê, mắt mở tròn xoe, mũi kiểu lợn với hai lỗ mũi hướng thẳng về phía trước, phần trên rất giống cặp sừng cong. Các hình chạm khắc thể hiện sinh động con người thời cổ thuộc văn hoá Hoà Bình, mang đậm dấu ấn tôn giáo nguyên thuỷ.
Hình 3: Trong nghệ thuật Ai Cập cổ đại, điêu khắc và hội hoạ thường gắn bó chặt chẽ với nhau. Các tác phẩm, tranh vẽ thường được tìm thấy ở phần dưới của các mảng điêu khắc trên tường, trong các lăng mộ. Chân dung con người là sản phẩm của hai góc nhìn khác nhau: chính diện và mặt nghiêng (mặt bên). Mắt, tai và phần thân trên thường được mô tả trực diện. Trong khi đầu, hông, chân được mô tả nghiêng. Chúng thường được thể hiện đối xứng. Một nhóm các chân dung thường được làm ngang bằng với một nhóm chân dung khác để tạo nên một hình ảnh đối xứng.
Hình 4: Tượng thần Vệ Nữ thành Milo là tác phẩm điêu khắc Hy Lạp cổ đại nổi tiếng nhất, khắc hoạ vị nữ thần tình yêu và sắc đẹp của người Hy Lạp. Tượng được làm bằng chất liệu cẩm thạch, tỉ lệ lớn hơn người thật, với chiều cao 203 cm nhưng đã bị mất hai tay. Tượng có niên đại khoảng năm 130 TCN và được coi là biểu tượng cho vẻ đẹp duyên dáng của người phụ nữ.

Cánh Diều

Hình 5: Đấu trường La Mã cổ đại được xây khoảng năm 70, có hình elip với chiều cao 48 m, dài 189 m và rộng 156 m. Đấu trường nằm tại trung tâm của thành Roma trên vùng đất bằng phẳng. Người ta dùng tới 100 000 m^3 đá hoa cương để xây dựng, gồm 80 cửa với mỗi lối được đánh số. Đây là đấu trường lớn ở thành phố Roma có sức chứa khoảng 50 000 khán giả. Ngày nay, dù chỉ còn lại chưa tới 1/3 cấu trúc ban đầu nhưng đấu trường vẫn được coi là biểu tượng của Đế chế La Mã và là một trong những mẫu kiến trúc La Mã đẹp nhất còn sót lại.

– GV có thể cho HS xem thêm một số hình vẽ của nghệ thuật thời kì tiền sử và cổ đại. Liên hệ với những kiến thức về địa lí và lịch sử để mở rộng thêm cho HS.

Tranh săn hươu 15 000 năm TCN (hang Lascaux – Pháp)

Tranh bò rừng 13 000 năm TCN (hang Lascaux – Pháp)

b. Minh hoạ mô phỏng lại tạo hình của nghệ thuật Ai Cập cổ đại

Hình minh hoạ mô phỏng của nghệ thuật Ai Cập cổ đại đã cho thấy đặc trưng trong cách dùng nét của người Ai Cập cổ. Cách dùng nét để vẽ lại hình ảnh của nhân vật, con vật trong nghệ thuật Ai Cập giúp chúng ta hiểu rõ hơn về lối tạo hình độc đáo của nền nghệ thuật cổ xưa. Đường viền bao quanh người và con vật được vẽ bằng nét liền liên tục, chắt lọc, giản lược để khái quát được đặc điểm, thần thái điển hình nhất của đối tượng. Nét vẽ cô đọng, mang tính chất đồ hoạ, dùng để diễn tả hình và các chi tiết của đối tượng. Tạo hình tuân thủ theo cách diễn tả nhìn nghiêng với đường nét giàu cảm xúc, khoẻ khoắn.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS *Sáng tạo*

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng sáng tạo thông qua các câu hỏi theo ba bước:

+ Xác định nội dung, hình ảnh, bố cục của tranh: vẽ con vật, vẽ người, phong cảnh,...

+ Xác định cách tạo hình.

+ Xác định phương pháp thực hành.

– GV kết luận: Có nhiều ý tưởng sáng tạo khác nhau để vẽ theo cách tạo hình của nghệ thuật tiền sử hoặc cổ đại. HS cần xác định được cách vẽ nét, chi tiết, bố cục, màu sắc cho giống với tạo hình của nghệ thuật cần mô phỏng.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

Hướng dẫn HS vẽ theo các bước:

* Lựa chọn đối tượng để tạo hình

HS lựa chọn các nhân vật, con vật,... mình yêu thích để vẽ. Cần chú ý bố cục của tranh để mô phỏng theo phong cách tạo hình nghệ thuật đã lựa chọn.

Bước 1: Vẽ nét tạo hình và chi tiết theo phong cách nghệ thuật đã chọn.

+ Xác định bố cục của tranh: lựa chọn phong cách tạo hình nào thì mô phỏng theo bố cục của phong cách đó. (Ví dụ tranh vẽ theo nghệ thuật tiền sử có bố cục tự do; bố cục tranh vẽ theo nghệ thuật Ai Cập cổ đại thường được chia thành các mảng dọc (ngang) cân đối, không gian ước lệ tượng trưng).

+ Vẽ nét tạo hình: chú ý các động tác, tư thế của nhân vật để diễn tả sinh động các thế dáng, thần thái của đối tượng. (Ví dụ: cách vẽ người của nghệ thuật Ai Cập cổ đại rất chi tiết, sử dụng nét để bao quanh hình. Nét vẽ liền không nhấc bút sẽ giúp hình có viền đẹp hơn).

Bước 2: Vẽ màu theo đặc trưng phong cách nghệ thuật đã chọn.

Lựa chọn màu sắc đúng với đặc trưng của phong cách tạo hình đã chọn, chú ý dùng màu sắc hài hoà, đậm nhạt cân đối. Có thể vẽ màu bằng mảng phẳng, không tạo khối hoặc có tạo khối. Ngoài ra, sau khi vẽ màu xong, HS có thể viền hình lại bằng màu đen ở một số chỗ nếu muốn.

Bước 3: Hoàn thiện bức tranh.

Lưu ý:
– GV cần minh hoạ để HS hiểu các bước vẽ. Vẽ theo lối tạo hình nào cũng cần khai thác ở ba yếu tố: đường nét, màu sắc, bố cục.
– Khi vẽ theo phong cách nghệ thuật tiền sử, cần lưu ý sự biểu cảm của hình giống như hình vẽ trong hang động, nên chú ý đến dùng nét, màu và cách tạo dáng nhân vật.
– Khi vẽ theo phong cách nghệ thuật Ai Cập cổ đại, bố cục tranh được chia thành các ô theo chiều dọc hoặc chia thành các dải ngang, các nhân vật (đối tượng) được vẽ dàn cảnh (đơn tuyến bình đồ), nét được dùng để diễn tả chi tiết và để trang trí.

Cánh Diều

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

GV yêu cầu HS thực hành cá nhân, vẽ bức tranh theo phong cách nghệ thuật cổ đại yêu thích. Yêu cầu sử dụng cách vẽ hình nhân vật, màu sắc và bố cục theo phong cách tạo hình nghệ thuật cổ đại. Trước khi thực hành, GV có thể giới thiệu cho HS quan sát thêm một số hình ảnh theo phong cách tạo hình này để HS có thêm ý tưởng sáng tạo, định hình rõ hơn về cách tạo sản phẩm.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS *Thảo luận*

GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm trên bàn hoặc xung quanh lớp. Hướng dẫn HS quan sát, nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn theo gợi ý:

+ Bố cục của bức tranh nào có cách sắp xếp theo phong cách nghệ thuật cổ đại?

+ Đường nét, màu sắc trong tranh có mang tinh thần của nghệ thuật cổ đại không?

+ Em thích những điểm sáng tạo nào trong tranh?

+ Qua bài học, em hiểu thêm điều gì về lịch sử nghệ thuật cổ đại?

+ Theo em, chúng ta nên làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật cổ đại?

Dựa trên sự trao đổi, chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS *Ứng dụng*

– Sử dụng các tranh, ảnh của nghệ thuật tạo hình thời tiền sử và cổ đại để tạo thành thư viện ảnh kết nối với nội dung môn Lịch sử và Địa lí (để HS thấy sự liên kết trong nội dung kiến thức bài học).

– Hướng dẫn HS có thể vẽ các hình theo phong cách nghệ thuật cổ đại để trang trí cho các vật dụng hằng ngày hay trang trí cho những tấm bưu thiếp xinh xắn.

Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV nhắc lại hoặc yêu cầu HS nhắc các kiến thức chính của bài học và những điều cần ghi nhớ:

+ Nghệ thuật tiền sử và nghệ thuật cổ đại tồn tại trước Công nguyên hàng nghìn năm.

+ Nghệ thuật tiền sử và nghệ thuật cổ đại rất phát triển. Hình vẽ trong hang động thời tiền sử được sử dụng kĩ thuật diễn tả rất hiện thực.

+ Nghệ thuật Ai Cập cổ đại nổi tiếng với các kim tự tháp, bích họa còn tồn tại đến ngày nay. Nghệ thuật Hy Lạp cổ đại nổi tiếng với nền điêu khắc phong phú với những pho tượng chuẩn mực về tỉ lệ cơ thể người.

+ Vẽ theo phong cách nghệ thuật cổ đại là dựa vào cách tạo hình thời cổ đại để sáng tạo nội dung mới.

– GV nhắc HS xem trước và chuẩn bị các đồ dùng học tập cho Bài 5, SGK Mĩ thuật 6.